

VN-Index tăng 1,1%

Ngày báo cáo

20/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 1,1%

VN-Index tăng 1,1% (+19,9 điểm) vào thứ Hai, đóng cửa phiên giao dịch tại 1.837,1 điểm. Toàn sàn ghi nhận 154 mã tăng, 147 mã giảm và 80 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên giao dịch trước, đạt 21,7 nghìn tỷ đồng.

- Nhóm cổ phiếu liên quan đến Vingroup gồm VHM (+6,9%), VPL (+3,0%), VRE (+3,0%) và VIC (+1,6%) tăng mạnh, một phần có thể do tâm lý tích cực sau thông tin VIC, VHM và VPL điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận năm 2026.
- Nhóm ngân hàng như HDB (+2,7%), TCB (+1,1%), VCB (+1,0%) và ACB (+0,8%) ghi nhận mức tăng mạnh. VPB (-0,7%) và MBB (-0,4%) giảm điểm.
- Các cổ phiếu dầu khí gồm BSR (-2,1%), PLX (-1,3%) và PVD (-1,4%) chốt phiên trong sắc đỏ.
- Các mã tăng giá đáng chú ý ở các lĩnh vực khác bao gồm các công ty công nghiệp GEE (+7,0%) và GEX (+5,0%), nhà sản xuất thép HPG (+1,6%), công ty công nghệ FPT (+1,2%), công ty trang sức PNJ (+3,6%) và công ty chứng khoán SSI (+1,4%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1837,1	257,3	129,5
% Δ	1,1%	-1,0%	0,9%
- % Δ 1 tuần	4,4%	2,3%	1,4%
- % YTD	2,9%	2,7%	7,2%
- % YOY	50,7%	20,8%	41,8%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$825,0	\$32,1	\$16,8
- TB 1 tháng (triệu)	\$926,1	\$57,4	\$20,7
- TB 1 năm (triệu)	\$1.138,8	\$80,7	\$33,2
- TB QTD	\$941,2	\$54,8	\$20,0
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-21,6%	-29,9%	-43,5%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$97,8	\$0,6	\$0,5
- Bán (triệu)	\$121,1	\$1,6	\$0,4
- GT ròng (triệu)	-\$23,3	-\$1,0	\$0,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	163	60	149
Mã giảm	150	73	133
Không đổi	111	172	588
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	329,7	17,5	52,2
P/E trượt 12T	14,8	10,6	15,8
LS cổ tức*	3,2%	4,9%	14,1%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.997,9	33.517	1.531,0
VN30F2M	1.996,1	1.349	3,4
VN30F1Q	1.994,3	330	0,5
VN30F2Q	1.983,9	8	-
VN100F1M	1.912,4	22	0,2
VN100F2M	1.911,5	20	0,0
VN100F1Q	1.896,0	16	-
VN100F2Q	1.898,9	N/A	-
USD/VND		26.337	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- VIC, VHM và VPL điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận năm 2026
- BMP: Lợi nhuận quý 1 tiếp tục duy trì ở mức cao trong lịch sử, tăng trưởng so với cùng kỳ quý trước và cùng kỳ năm trước - Báo cáo KQKD
- NT2: LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ - Báo cáo KQKD
- PPC: Tiềm năng điều chỉnh tăng dài hạn từ dự án nâng cấp xử lý khí thải, nhưng lợi nhuận cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026 - Báo cáo ĐHCĐ bất thường & Báo cáo KQKD
- QTP: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm - Báo cáo KQKD
- VPB: Tăng trưởng tín dụng hai con số và thu nhập phí mạnh mẽ thúc đẩy lợi nhuận; các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ QoQ nhưng vẫn ở gần mức thấp trong nhiều năm - Báo cáo KQKD
- VPX: Động lực từ mảng môi giới và cho vay ký quỹ mạnh mẽ một phần bị ảnh hưởng bởi áp lực chi phí vốn - Báo cáo KQKD
- FRT: LNTT sơ bộ quý 1/2026 tăng 70% YoY; Long Châu vẫn trên đà tăng trưởng - Báo cáo ĐHCĐ
- KBC: Kế hoạch LNST tăng 36% YoY, được thúc đẩy bởi nhu cầu đất KCN bền vững - Báo cáo ĐHCĐ
- MBB: Tái khẳng định mục tiêu tăng trưởng cho năm 2026; đẩy mạnh mở rộng bảng cân đối kế toán trong khi duy trì ROE dẫn đầu - Báo cáo ĐHCĐ
- MWG: LNST quý 1/2026 +80% YoY; mục tiêu thận trọng với lợi nhuận ròng 9.200 tỷ đồng cho năm 2026 - Báo cáo ĐHCĐ
- STK: Đà phục hồi được hỗ trợ bởi giá bán tăng và hàng tồn kho giá thấp; triển vọng ngắn hạn vẫn thận trọng - Báo cáo ĐHCĐ
- MWG - DMX: LNST quý 1 tăng 45% nhờ giành thêm thị phần và tăng trưởng dựa trên giá trị - Báo cáo Gặp gỡ NĐT
- DatVietVAC: Khai thác thương mại với biên lợi nhuận cao đón đầu điểm bùng nổ của ngành Truyền thông và Giải trí Việt Nam - Báo cáo Công ty

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index tiếp tục duy trì tín hiệu tăng khi vận động trên MA20 và MA50, qua đó giữ khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm. Mục tiêu gần nằm tại 1.880 điểm, với hỗ trợ ngắn hạn ở vùng 1.810–1.815 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

VIC, VHM và VPL điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận năm 2026

* VIC, VHM và VPL đã công bố điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận năm 2026 so với các đề xuất trước đó, trong khi các nội dung khác vẫn giữ nguyên. Những đề xuất này sẽ được trình để các cổ đông thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2026 sắp tới.

Kế hoạch năm 2026 của VIC, VHM và VPL

	KH doanh thu 2026 cũ (tỷ đồng)	KH doanh thu 2026 sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Tăng trưởng YoY của KH 2026 sau điều chỉnh	KH LNST 2026 cũ (tỷ đồng)	KH LNST 2026 sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Tăng trưởng YoY của KH 2026 sau điều chỉnh	% KH LNST 2026 sau điều chỉnh so với dự báo của Vietcap^	Ngày tổ chức ĐHCĐ 2026
VIC	450.000	485.000	+46%	25.000	35.000	+216%	346%	22/04/2026
VHM (VIC nắm 72,07%)	250.000*	285.000*	+56%	50.000	60.000	+38%	135%	21/04/2026
VPL (VIC nắm 85,55%)	16.000	16.000	+3%	1.500	3.000	+172%	N/A**	24/04/2026

Nguồn: Tài liệu ĐHCĐ của các công ty. Ghi chú: Các công ty không cung cấp kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS. (*) doanh thu cốt lõi (bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và các giao dịch bán lẻ lớn được ghi nhận vào thu nhập tài chính). (**) Vietcap không theo dõi VPL nên không có dự báo KQKD riêng. (^) Dự báo cập nhật ngày 30/03/2026. KH là viết tắt của kế hoạch.

BMP: Lợi nhuận quý 1 tiếp tục duy trì ở mức cao trong lịch sử, tăng trưởng so với cùng kỳ quý trước và cùng kỳ năm trước - Báo cáo KQKD

CTCP Nhựa Bình Minh (BMP) đã công bố KQKD quý 1/2026 như sau:

- Doanh thu thuần: 1.457 tỷ đồng (+13% QoQ, +5% YoY; 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi).
- LNST sau lợi ích CĐTS: 304 tỷ đồng (+16% QoQ, +6% YoY; 22% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

Doanh thu quý 1 cải thiện chủ yếu nhờ đẩy mạnh chiết khấu: Doanh thu quý 1/2026 tăng 13% QoQ và 5% YoY, chủ yếu nhờ tổng mức chiết khấu tăng mạnh (+39% QoQ, +30% YoY), khiến tỷ lệ chiết khấu/doanh thu tăng lên mức 18,7% (so với 15,1% trong quý 1/2025, 15,2% trong quý 4/2025 và 15,8% trong dự báo cả năm 2026 của chúng tôi).

Biên lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục duy trì tích cực dù chi phí chiết khấu tăng mạnh: Trong quý 1/2026, BMP đã ghi nhận biên lợi nhuận từ HĐKD ở mức 27,9% – thấp hơn mức đỉnh lịch sử, nhưng vẫn nằm trong vùng cao so với quá khứ. Chúng tôi đánh giá diễn biến biên lợi nhuận này là khá tích cực, đặc biệt trong bối cảnh tỷ lệ tổng chiết khấu trên doanh thu tăng mạnh. Kết quả này chủ yếu được hỗ trợ bởi mức biên lợi nhuận gộp cao ở mức 47,2% - mà chúng tôi cho là nhờ lượng hàng tồn kho giá thấp được tích lũy cho nửa đầu năm 2026, theo chia sẻ của ban lãnh đạo tại sự kiện Vietnam Access Day (VAD) 2026.

Nhìn chung, KQKD quý 1 mang lại tín hiệu tương đối tích cực, khi lợi nhuận cải thiện cả QoQ lẫn YoY (từ mức nền cao) và tiếp tục duy trì ở vùng cao trong lịch sử. Tuy nhiên, do kết quả thực tế thấp hơn so với kỳ vọng năm 2026 của chúng tôi, chúng tôi vẫn nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NT2: LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ - Báo cáo KQKD

Quý 1/2026: doanh thu đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+52% YoY; đạt 23% dự báo năm 2026); LNST báo cáo đạt 180 tỷ đồng (gấp 5,0 lần YoY; đạt 16% dự báo năm 2026) và LNST cốt lõi đạt 180 tỷ đồng (gấp 5,0 lần YoY; đạt 18% dự báo năm 2026).

- Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 61% YoY và đạt 21% dự báo năm 2026.

- Đãi tăng trưởng doanh thu mạnh được thúc đẩy bởi (1) sản lượng điện thương phẩm tăng 61% YoY, (2) sản lượng Qc cam kết tăng 43% YoY, qua đó bù trừ cho (3) mức giảm 5% YoY của ASP (do tỷ lệ Qc đạt 95% so với 107% trong quý 1/2025).

- Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh của LNST cốt lõi đến từ (1) sản lượng điện thương phẩm tăng 61% YoY, (2) chi phí khấu hao giảm 134 tỷ đồng (-78% YoY), (3) thu nhập tài chính tăng 85% YoY, qua đó bù trừ cho (4) mức chênh lệch giá giữa ASP và chi phí khí/kWh giảm 27% YoY (đạt 97% dự báo năm 2026) và (5) chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 82% YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PPC: Tiềm năng điều chỉnh tăng dài hạn từ dự án nâng cấp xử lý khí thải, nhưng lợi nhuận cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026 - Báo cáo ĐHCĐ bất thường & Báo cáo KQKD

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ bất thường của CTCP Nhiệt điện Phả Lại (PPC) ngày 20/04/2026. Nhìn chung, cuộc họp tập trung vào việc thông qua kế hoạch đầu tư điều chỉnh cho dự án "Cải tạo và Nâng cấp Hệ thống Xử lý Khí thải - Dây chuyền 2 của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại".

* Đồng thời, PPC công bố KQKD quý 1/2026 với LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 96 tỷ đồng (+83% YoY; đạt 28% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST cốt lõi từ hoạt động phát điện đạt 22 tỷ đồng (-58% YoY; đạt 11% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Mức lợi nhuận cốt lõi này thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo dài hạn, do dự án dự kiến đạt tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) khoảng 12%, cải thiện hiệu quả vận hành và kéo dài vòng đời kinh tế của nhà máy. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 do kế hoạch lợi nhuận yếu hơn kỳ vọng và KQKD quý 1 thấp hơn kỳ vọng (xem thông tin chi tiết ở trang sau).

Báo cáo KQKD: LNST sau CĐTS quý 1 tăng 83% YoY nhờ thu nhập cổ tức; mảng phát điện cốt lõi yếu, rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo

* PPC ghi nhận doanh thu quý 1/2026 đạt 1,8 nghìn tỷ đồng (+17% YoY) và LNST sau CĐTS đạt 96 tỷ đồng (+83% YoY). Tăng trưởng lợi nhuận ròng mạnh mẽ chủ yếu đến từ (1) sự gia tăng thu nhập cổ tức đạt 74 tỷ đồng, chủ yếu từ cổ tức tiền mặt 1.000 đồng/cổ phiếu của QTP cho năm 2025, được chi trả vào tháng 2/2026. Yếu tố này lấn át diễn biến kém tích cực của hoạt động cốt lõi, khi LNST từ mảng phát điện giảm 58% YoY xuống còn 22 tỷ đồng. Sự suy giảm lợi nhuận cốt lõi chủ yếu đến từ (2) biên chênh lệch giá giảm 2% YoY, do chi phí nguyên vật liệu bình quân tăng 10% YoY (mà chúng tôi cho rằng đến từ suất hao nhiệt cao hơn), và (3) chi phí bảo trì và các chi phí khác tăng 87% YoY. Các yếu tố này lấn át tác động tích cực từ mức tăng 8% YoY của sản lượng điện thương phẩm (theo ước tính của chúng tôi).

* **LNST sau CĐTS quý 1 đạt 28% dự báo cả năm của chúng tôi, trong khi LNST từ mảng phát điện chỉ đạt 11%.** Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận cả năm 2026. Diễn biến kém hơn kỳ vọng của hoạt động cốt lõi chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu bình quân và chi phí bảo trì cao hơn dự kiến. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

QTP: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm - Báo cáo KQKD

- CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) báo cáo KQKD quý 1 2026 với doanh thu đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (-6% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 197 tỷ đồng (+14% YoY). Mức tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu nhờ (1) chênh lệch giá cải thiện 7% YoY, được hỗ trợ bởi chi phí nguyên vật liệu trung bình giảm 4% YoY, (2) chi phí khấu hao giảm 14% YoY, và (3) thu nhập tài chính thuần tăng mạnh khi công ty đã tắt toàn bộ nợ vay vào quý 4 2025, qua đó không còn ghi nhận chi phí lãi vay. Các yếu tố tích cực này bù đắp cho (4) sản lượng tiêu thụ giảm 4% YoY và (5) chi phí bảo trì và các chi phí khác tăng 23% YoY.

- Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo cả năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết. LNST sau lợi ích CĐTTS trong quý 1/2026 đã hoàn thành 28% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả cao hơn kỳ vọng chủ yếu nhờ chi phí nguyên vật liệu trung bình thấp hơn dự kiến, chi phí khấu hao thấp hơn dự kiến và thu nhập tài chính cao hơn dự kiến. Các yếu tố này nhiều khả năng sẽ bù đắp cho tác động tiêu cực từ chi phí bảo trì và các chi phí khác cao hơn dự kiến.

- Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với GTP với giá mục tiêu 14.600 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VPB: Tăng trưởng tín dụng hai con số và thu nhập phí mạnh mẽ thúc đẩy lợi nhuận; các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ QoQ nhưng vẫn ở gần mức thấp trong nhiều năm - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) công bố KQKD quý 1/2026 với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 19,9 nghìn tỷ đồng (+26% YoY) và LNTT hợp nhất đạt 7,9 nghìn tỷ đồng (+58% YoY; -23% QoQ), lần lượt hoàn thành 22% và 20% dự báo cả năm của chúng tôi. Nhìn chung, kết quả quý 1/2026 phù hợp với dự báo cả năm của chúng tôi, do chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận thường sẽ mạnh hơn trong các quý sau đối với cả ngân hàng mẹ và các công ty con. Tăng trưởng tín dụng hai con số của ngân hàng mẹ là kết quả tích cực ngoài kỳ vọng, và với các tỷ lệ thanh khoản và vốn vẫn trong tầm kiểm soát, VPB đang ở vị thế tốt để duy trì đà tăng trưởng này. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn thận trọng về triển vọng lãi suất - áp lực lãi suất kéo dài sẽ gây áp lực lên biên lợi nhuận của ngân hàng mẹ và tạo thêm trở ngại cho các mảng kinh doanh nhạy cảm với lãi suất của các công ty con, cụ thể là tài chính tiêu dùng và chứng khoán, tạo ra nhiều sự bất định hơn cho mục tiêu đạt được dự báo cả năm.

- **Tăng trưởng tín dụng vượt trội so với hệ thống:** Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 của ngân hàng mẹ đạt 10,8% QoQ (tăng trưởng cho vay: +10,9% QoQ; trái phiếu doanh nghiệp: -9% QoQ, chiếm 0,3% tổng tín dụng), cao hơn gấp ba lần mức tăng trưởng 3,2% QoQ của toàn hệ thống. Tăng trưởng ghi nhận trên diện rộng ở các phân khúc doanh nghiệp, dẫn đầu là bán buôn & bán lẻ và bất động sản. Các phân khúc SME và bán lẻ mở rộng lần lượt +8,4% QoQ và +7,0% QoQ. Tín dụng cho các chủ đầu tư bất động sản tăng +15% QoQ (chiếm 24% dư nợ cho vay), trong khi cho vay mua nhà tăng +7% QoQ (chiếm 15% dư nợ cho vay).

- **Tiền gửi tăng trưởng chậm hơn tín dụng; tỷ lệ CASA duy trì ổn định:** Tăng trưởng tiền gửi hợp nhất quý 1/2026 là 8,7% YoY, chậm hơn so với mở rộng tín dụng, mặc dù tỷ lệ CASA vẫn ổn định ở mức 13,9% (-51 điểm cơ bản QoQ; không đổi so với cùng kỳ). Giấy tờ có giá tăng 30% QoQ, được thúc đẩy bởi sản phẩm chứng chỉ tiền gửi ra mắt năm 2025. Ban lãnh đạo cũng thông báo kế hoạch huy động vốn vay hợp vốn với sự hỗ trợ của SMBC. Đáng chú ý, tỷ lệ dự trữ bắt buộc của VPB sẽ giảm 50% từ quý 2/2026 trở đi (nhờ vào vai trò hỗ trợ ngân hàng 0 đồng), giải phóng khoảng 9 nghìn tỷ đồng công suất huy động vốn bổ sung theo ước tính của ban lãnh đạo.

- **Các tỷ lệ thanh khoản vẫn lành mạnh:** Tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR) hợp nhất quý 1/2026 ở mức 82,7% (-10 điểm cơ bản QoQ). Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn là 28,3% (+80 điểm cơ bản QoQ), dưới mức trần quy định là 30%. CAR hợp nhất hơn 14%.

- **NIM giảm do áp lực chi phí huy động:** NIM hợp nhất quý 1/2026 giảm xuống 5,47% (-46 điểm cơ bản YoY; -35 điểm cơ bản QoQ), thấp hơn dự báo cả năm 5,69% của chúng tôi, mặc dù tăng trưởng tín dụng trong quý diễn ra mạnh mẽ. Mặc dù lợi suất tài sản sinh lãi (IEA) cải thiện so với cùng kỳ, nhưng không đủ để bù đắp tác động từ chi phí huy động vốn cao hơn. Chúng tôi kỳ vọng các trở ngại về NIM sẽ còn tiếp diễn trong phần còn lại của năm 2026 với tốc độ tăng trưởng cao của VPB.

- **Thu nhập ngoài lãi (NOII) vững chắc so với cùng kỳ, nhưng thấp hơn một chút so với kỳ vọng:** NOII quý 1/2026 cao so với cùng kỳ, được củng cố bởi tăng trưởng thu nhập phí thuần +81% YoY (đóng góp từ cả ngân hàng mẹ và các công ty con) và thu nhập từ các khoản nợ đã xử lý được thu hồi +2% YoY trên mức nền cao. Mặc dù vậy, NOII đạt mức thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi (hoàn thành 16% dự báo cả năm), chủ yếu do thu nhập đầu tư thấp hơn dự kiến.

- Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) quý 1/2026 được kiểm soát tốt ở mức 21,7% (-4,1 điểm % YoY), tiếp tục nằm trong nhóm thấp nhất trong danh mục theo dõi của chúng tôi.

- **Các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ QoQ nhưng vẫn ở mức tương đối thấp trong nhiều năm:** Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất quý 1/2026 tăng lên 3,58% (+25 điểm cơ bản QoQ; -116 điểm cơ bản YoY). Tỷ lệ nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ cho vay cải thiện lên 3,11% (-11 điểm cơ bản QoQ; -120 điểm cơ bản YoY). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) đứng ở mức 52,4% (-3 điểm % QoQ; +5 điểm % YoY). Chi phí dự phòng ghi nhận cao hơn một chút so với kỳ vọng (hoàn thành 26% dự báo cả năm) do mức tăng so với quý trước của nợ xấu chủ yếu đến từ nợ nhóm 4 và nhóm 5.

- Theo ước tính của chúng tôi, LNTT của FE Credit (FEC) quý 1/2026 đạt hơn 90 tỷ đồng (so với 600 tỷ đồng trong năm 2025). Chúng tôi duy trì kỳ vọng rằng lợi nhuận sẽ cải thiện trong phần còn lại của năm do tính thời vụ. Tuy nhiên, áp lực hiện tại về lãi suất và những bất ổn từ bối cảnh vĩ mô có thể kéo lùi đà cải thiện so với kỳ vọng trước đó của chúng tôi (dự báo cả năm hiện tại của chúng tôi là 1,9 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi ước tính dư nợ cho vay của FEC tăng 5% QoQ và tỷ lệ nợ xấu của FEC trong quý 1/2026 ở mức khoảng 17,7% (-2,4 điểm % YoY; +2,4 điểm % QoQ).

- OPES ghi nhận LNTT quý 1/2026 đạt 261 tỷ đồng (tăng hơn 2 lần YoY). Trong khi đó, GPBank (ngân hàng yếu kém được VPB hỗ trợ, không được hợp nhất), ghi nhận LNTT quý 1/2026 đạt 400 tỷ đồng.

- VPX (VPBankS) công bố KQKD quý 1/2026 với LNTT đạt 515 tỷ đồng (+47% YoY), chủ yếu đóng góp từ cho vay ký quỹ mạnh mẽ và lợi nhuận từ tự doanh. Kết quả này chỉ hoàn thành 8% kế hoạch cả năm của công ty do áp lực lãi suất và xung đột tại Trung Đông gây ảnh hưởng đến hiệu quả của thị trường vốn cũng như hiệu quả của các công ty chứng khoán. Số dư cho vay ký quỹ quý 1/2026 là 36,3 nghìn tỷ đồng (+6% QoQ; +181% YoY), được hỗ trợ bởi các sản phẩm cạnh tranh, hệ sinh thái và nguồn vốn mạnh (tỷ lệ cho vay ký quỹ/vốn chủ sở hữu là 106%). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VPX: Động lực từ mảng môi giới và cho vay ký quỹ mạnh mẽ một phần bị ảnh hưởng bởi áp lực chi phí vốn - Báo cáo KQKD

CTCP Chứng khoán VPBank (VPX) công bố doanh thu hoạt động thuần quý 1/2026 đạt 1,25 nghìn tỷ đồng (+126% YoY) và LNTT đạt 515 tỷ đồng (+47% YoY). Tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ chủ yếu nhờ mảng cho vay ký quỹ và tự doanh. Tuy nhiên, lợi nhuận vẫn khiêm tốn, chỉ đạt khoảng 8% kế hoạch cả năm của công ty, phản ánh (1) chi phí vốn tăng cao và (2) thanh khoản yếu hơn và điều kiện thị trường không thuận lợi trong bối cảnh bất ổn địa chính trị tại Trung Đông. Mảng ngân hàng đầu tư (IB) cũng ghi nhận đóng góp hạn chế trong quý 1 (do tính thời vụ thấp theo công ty).

Ban lãnh đạo kỳ vọng đà tăng trưởng lợi nhuận sẽ cải thiện từ quý 2, được hỗ trợ bởi (1) việc tăng tốc các thương vụ IB, (2) các yếu tố vĩ mô thuận lợi hơn, và (3) yếu tố hỗ trợ tích cực từ việc nâng hạng thị trường theo phân loại của FTSE. Dưới đây là chi tiết kết quả kinh doanh quý 1/2026 theo từng mảng:

Môi giới & lưu ký

- Thị phần môi giới quý 1/2026 giảm xuống 2,94% (vẫn giữ vị trí top 9) so với 3,21% trong quý 4/2025.

- Cơ sở khách hàng vượt 1,3 triệu tài khoản (tăng khoảng 15% từ đầu năm), tương đương >10% tổng số tài khoản trên thị trường.

- Tổng giá trị giao dịch của khách hàng tăng mạnh đạt 126,8 nghìn tỷ đồng (+133% YoY), phản ánh thanh khoản thị trường cải thiện và chiến lược của VPX nhằm nâng cao tỷ lệ hoạt động của khách hàng.

Cho vay ký quỹ – động lực lợi nhuận chính

- Doanh thu đạt 872 tỷ đồng (+284% YoY), chiếm khoảng 70% doanh thu hoạt động thuần.

- Dự nợ ký quỹ tăng lên 36,3 nghìn tỷ đồng (+6% QoQ, +181% YoY), được hỗ trợ bởi nền tảng vốn vững chắc và sự cộng hưởng trong hệ sinh thái của VPB.
- Tỷ lệ dự nợ ký quỹ và cho vay ứng tiền/vốn chủ sở hữu ở mức 106% (so với trần quy định 200%) cho thấy dư địa đáng kể để mở rộng thêm.

Tự doanh

- Doanh thu FVTPL đạt 356 tỷ đồng (+10% YoY), đóng góp khoảng 29% tổng doanh thu thuần.
- Danh mục đầu tư đạt 26,3 nghìn tỷ đồng (giá trị hợp lý), tập trung vào cổ phiếu niêm yết và trái phiếu.
- VPX đã tăng tỷ lệ sở hữu tại KBC lên 5,04% trong tháng 4 (từ 4,92%), trở thành cổ đông lớn. Theo công ty, điều này phù hợp với chiến lược tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ của doanh nghiệp (PIPE) và đa dạng hóa ngành, đặc biệt là bất động sản khu công nghiệp, nơi KBC có quan hệ đối tác chặt chẽ với Tập đoàn VPB.

Ngân hàng đầu tư (IB) & dịch vụ khác

- Đóng góp ở mức thấp trong quý 1, phù hợp với tính thời vụ lịch sử khi doanh thu IB thường được ghi nhận nhiều hơn từ quý 2 trở đi, theo công ty. Chúng tôi đánh giá triển vọng là tích cực, được hỗ trợ bởi nền tảng vốn mạnh mẽ của VPX, cơ hội từ hệ sinh thái VPB và nhu cầu huy động vốn bền vững.

Khả năng sinh lời: ROA trượt đạt 5,7% (+1,9 điểm % YoY); ROE trượt đạt 14,2% (+7,8 điểm % YoY); CIR đạt 26,3% (-2,9 điểm % YoY).

Quan điểm của chúng tôi: Mặc dù lợi nhuận quý 1 còn khiêm tốn so với kế hoạch cả năm đầy tham vọng của công ty, chúng tôi cho rằng VPX vẫn là một trong những câu chuyện tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong trung hạn trong ngành, với khả năng sinh lời tốt và lợi thế cấu trúc rõ ràng về nền tảng vốn, hỗ trợ từ hệ sinh thái và quan hệ doanh nghiệp. Những thế mạnh này sẽ tiếp tục hỗ trợ việc gia tăng thị phần và mở rộng lợi nhuận theo thời gian. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

FRT: LNTT sơ bộ quý 1/2026 tăng 70% YoY; Long Châu vẫn trên đà tăng trưởng - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) vào ngày 17/04/2026. Sau đây là những ghi nhận chính của chúng tôi.

1. Các nghị quyết chính tại ĐHCĐ:

* **Kế hoạch kinh doanh năm 2026:** ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch năm 2026 bao gồm doanh thu 59,5 nghìn tỷ đồng (+16% YoY) và LNTT đạt 1.550 tỷ đồng (+27% YoY). Kế hoạch này lần lượt tương ứng với 98% và 86% dự báo doanh thu và LNTT năm 2026 của chúng tôi. Xét đến việc FRT thường xuyên vượt kế hoạch trong những năm có lãi, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo hiện tại cho đến khi có báo cáo đánh giá toàn diện hơn.

* **Cổ tức bằng cổ phiếu:** Cổ đông đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), dự kiến thực hiện vào cuối quý 3/2026.

2. Kết quả kinh doanh sơ bộ quý 1/2026: FRT ước tính doanh thu thuần quý 1/2026 tăng trưởng 30% YoY (chúng tôi ước tính doanh thu khoảng 15,2 nghìn tỷ đồng; hoàn thành khoảng 25% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNTT tăng trưởng 70% YoY (chúng tôi ước tính LNTT khoảng 463 tỷ đồng; hoàn thành khoảng 26% dự báo cả năm của chúng tôi) – nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

3. Long Châu:

* **Kế hoạch năm 2026:** FRT đặt mục tiêu doanh thu thuần cho Long Châu đạt 41 nghìn tỷ đồng (+19% YoY) và tăng thêm 450 điểm kinh doanh (bao gồm nhà thuốc và trung tâm tiêm chủng) vào cuối năm 2026 so với cuối 2025.

* **Mảng nhà thuốc:** FRT đặt mục tiêu giữ giá bán thuốc ổn định trong khi vẫn duy trì được biên lợi nhuận. Ban lãnh đạo tin rằng điều này khả thi nhờ (1) đã đảm bảo được nguồn cung sản phẩm cho 4–6 tháng tới và (2) tối ưu hóa chi phí vận hành thông qua ứng dụng công nghệ và cải thiện năng suất lao động.

* **Mảng tiêm chủng:**

- Ban lãnh đạo nhìn nhận chương trình tiêm chủng mở rộng của Chính phủ là yếu tố tích cực cho Long Châu, giúp nâng cao nhận thức về y tế dự phòng. Đồng thời, FRT tin rằng các trung tâm tiêm chủng của mình có thể tạo sự khác biệt so với hệ thống công nhờ chất lượng dịch vụ vượt trội, tiếp cận các loại vaccine thế hệ mới, danh mục các chủng vaccine đa dạng hơn và các loại vaccine nằm ngoài chương trình của Chính phủ (như sốt xuất huyết, zona thần kinh), cũng như việc có hàng sớm hơn đối với một số loại vaccine nhất định.

- Ban lãnh đạo cũng tái khẳng định mục tiêu mảng tiêm chủng sẽ đạt điểm hòa vốn ở cấp độ công ty vào năm 2027.

4. FPT Shop:

* **Kế hoạch năm 2026:** FRT kỳ vọng doanh thu thuần của FPT Shop đạt 18,5 nghìn tỷ đồng (+10% YoY) và số lượng cửa hàng giữ nguyên so với cuối năm 2025.

* **Thiết bị ICT:** FRT dự báo giá RAM tăng sẽ đẩy giá laptop tăng khoảng 2% mỗi tháng từ nay đến quý 3/2026. Điều này có thể gây áp lực lên nhu cầu, đặc biệt là phân khúc giá rẻ (dưới 20 triệu đồng) khi khách hàng có thể trì hoãn mua sắm hoặc chuyển sang mua máy cũ. Để thích ứng với tình hình này, FPT Shop đã chuẩn bị hàng tồn kho phân khúc giá rẻ từ quý 4/2025, ký kết các thỏa thuận độc quyền với các thương hiệu giá rẻ như Colorful, hợp tác với các công ty dịch vụ tài chính để triển khai chương trình trả góp 0% lãi suất, kéo dài kỳ hạn trả góp và triển khai chương trình thu cũ đổi mới.

* **Điện máy:** Theo ban lãnh đạo, thị trường điện máy Việt Nam có quy mô 5–6 tỷ USD và dự kiến duy trì tăng trưởng hai con số trong 10 năm tới nhờ tỷ lệ thâm nhập còn thấp hơn mảng ICT, sự tăng trưởng của thị trường bất động sản và xu hướng đô thị hóa.

* **Thiết bị bay không người lái (drone):** Cổ đông đã thông qua việc mở rộng ngành nghề kinh doanh drone. Ban lãnh đạo thấy tiềm năng lớn trong việc bán các sản phẩm này nhờ tận dụng mối quan hệ với Tập đoàn FPT và thực tế drone đang nằm trong danh mục công nghệ chiến lược của Chính phủ. Giai đoạn đầu, FRT tập trung vào bán sản phẩm, định hướng dài hạn sẽ tiến sâu hơn vào mảng bảo trì và trung tâm dịch vụ. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KBC: Kế hoạch LNST tăng 36% YoY, được thúc đẩy bởi nhu cầu đất KCN bền vững - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC) vào ngày 18/04/2026.

- Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với mục tiêu tổng thu nhập đạt 10,0 nghìn tỷ đồng (bao gồm doanh thu, doanh thu tài chính, lợi nhuận từ các công ty liên kết và các nguồn doanh thu khác), tăng 27% YoY, và LNST đạt 3,0 nghìn tỷ đồng, tăng 36% YoY – tương đương lần lượt với khoảng 90% và 96% dự báo của chúng tôi.

- Kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 chủ yếu được thúc đẩy bởi khoảng 250 ha bàn giao đất KCN theo kế hoạch, với kỳ vọng đóng góp chính từ dự án KCN Quế Võ 2 mở rộng, Trảng Dục 3 và Nam Sơn Hạp Lĩnh, cùng với tiềm năng điều chỉnh tăng từ dự án KĐT Trảng Cát.

- Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận năm 2026 (dù cần thêm đánh giá chi tiết), chủ yếu liên quan đến thời điểm ghi nhận đóng góp từ dự án Trảng Cát. Chúng tôi lưu ý LNST của KBC trong giai đoạn 2021–2025 lần lượt đạt 68%/35%/56%/11%/69% so với kế hoạch năm.

- Cổ đông đã thông qua cổ tức tiền mặt năm 2026 là 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 5,7%), với các đợt tạm ứng (một hoặc nhiều lần) sẽ do HĐQT quyết định dựa trên KQKD thực tế. Công ty không chi trả cổ tức cho năm 2025. Trong dự báo hiện tại, chúng tôi giả định không có cổ tức tiền mặt cho cả hai năm. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MBB: Tái khẳng định mục tiêu tăng trưởng cho năm 2026; đẩy mạnh mở rộng bảng cân đối kế toán trong khi duy trì ROE dẫn đầu - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) vào ngày 18/4. Chương trình nghị sự chính của cuộc họp là trình bày kế hoạch kinh doanh năm 2026, kế hoạch tăng vốn, phân phối cổ tức và các ưu tiên chiến lược. Mặc dù ban lãnh đạo tỏ ra thận trọng hơn về bối cảnh vĩ mô, bao gồm áp lực huy động vốn mang tính cấu trúc và biến động quốc tế từ xung đột tại Trung Đông, chúng tôi nhận thấy sự tự tin trong việc thực hiện các mục tiêu ĐHCĐ vẫn được duy trì. Chúng tôi xem đây là thông điệp thận trọng trong bối cảnh môi trường còn nhiều bất định. Theo quan sát của chúng tôi, kế hoạch chính thức của MBB thường khá thận trọng so với tiềm năng tăng trưởng của ngân hàng, với việc ngân hàng chỉ mới một lần không đạt mục tiêu ĐHCĐ trong thập kỷ qua, với mức chênh lệch không đáng kể. ĐHCĐ cũng củng cố tham vọng của ban lãnh đạo trong việc duy trì tăng trưởng mạnh mẽ trong ba năm tới, tập trung hơn vào hệ sinh thái tài chính với sự kiểm soát rủi ro chặt chẽ, và củng cố vị thế dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng.

- Kế hoạch năm 2026 bao gồm tăng trưởng tín dụng khoảng 30% YoY (tăng trưởng cuối cùng phụ thuộc vào sự phê duyệt của NHNN), tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức $\leq 1,5\%$ (hợp nhất) và dưới 1% tại ngân hàng mẹ, và LNTT đạt 39,4 nghìn tỷ đồng (+15% YoY) so với dự báo 41,2 nghìn tỷ đồng (+20% YoY) của chúng tôi. Ngoài ra, CIR sẽ được kiểm soát dưới 28%, ROE ở mức 20–21% và ROA khoảng 2%. MBB đặt mục tiêu tổng tài sản đạt gần 2 triệu tỷ đồng vào cuối năm 2026 (+28% YoY). Mặc dù vậy, ban lãnh đạo MBB cho biết họ sẽ phấn đấu đạt mức tăng trưởng LNTT 20% trong năm 2026.

- MBB đề xuất (1) chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% vốn điều lệ và (2) chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10% vốn điều lệ, sử dụng lợi nhuận giữ lại năm 2025, để thực hiện trong năm 2026.

- MBB đề xuất hai phương án tăng vốn: (1) chào bán quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với 805,5 triệu cổ phiếu ở mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện quyền 10:1; sẽ thực hiện trong năm 2026, cùng thời điểm hoặc sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu), và (2) chào bán riêng lẻ tối đa 200 triệu cổ phiếu (2,5% số cổ phiếu đang lưu hành), bao gồm 62 triệu cổ phiếu đã được thông qua tại ĐHCĐ năm 2025 (cho Viettel và các nhà đầu tư chuyên nghiệp) và 138 triệu cổ phiếu bổ sung. Đối tượng nhà đầu tư mục tiêu cho đợt chào bán này là các đối tác chiến lược trong nước có sự cộng hưởng hệ sinh thái và năng lực tài chính mạnh. Giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách của MBB theo báo cáo tài chính gần nhất trước khi Hội đồng quản trị phê duyệt. MBB giải thích rằng việc thực hiện song song chi trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành quyền mua nhằm mang lại cho cổ đông sự linh hoạt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu tiền mặt, đồng thời không tạo ra sự khác biệt về thuế có thể ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông.

- Cổ phiếu MBB hiện vẫn kín room ngoại. Ban lãnh đạo cố gắng duy trì tình trạng này để giữ chỗ cho một nhà đầu tư nước ngoài chiến lược nếu có trong tương lai, phần vốn này có thể được chào bán ở mức giá cao hơn đáng kể so với thị trường. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MWG: LNST quý 1/2026 +80% YoY; mục tiêu thận trọng với lợi nhuận ròng 9.200 tỷ đồng cho năm 2026 - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham gia ĐHCĐ của CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG) ngày 18/4/2026. Ghi nhận chính như sau.

Kế hoạch năm 2026

Tỷ đồng	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	Tăng trưởng	% dự báo 2026
Doanh thu thuần hợp nhất	185.000	155.928	+19%	98%
LNST hợp nhất	9.200	7.073	+30%	108%

- Ban lãnh đạo vẫn tự tin vào việc đạt được mục tiêu LNST năm 2026 là 9.200 tỷ đồng, lưu ý rằng mục tiêu này được đặt ra trước xung đột Mỹ-Iran gần đây và dựa trên giả định tăng trưởng GDP là 7,5%.
- MWG báo cáo LNST sơ bộ quý 1/2026 đạt khoảng 2,7-2,8 nghìn tỷ đồng (gấp 1,8 lần YoY; +35%-40% QoQ). Ban lãnh đạo kỳ vọng quý 2/2026 sẽ hưởng lợi từ nhu cầu theo mùa mạnh mẽ hơn đối với máy lạnh và tivi.
- Hàng tồn kho điện tử đủ để đáp ứng nhu cầu bán hàng trong khoảng 6 tháng, và ban lãnh đạo dự báo nhu cầu toàn cầu hạ nhiệt sẽ giúp giảm thiểu tác động của việc tăng giá tiềm năng.
- MWG đã cam kết với Apple về việc tăng doanh số từ 800 triệu USD trong năm 2025 lên 1 tỷ USD vào năm 2027.
- Ban lãnh đạo kỳ vọng lợi nhuận sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể bởi các biến động tăng lãi suất hiện nay, do công ty đang có thu nhập lãi thuần.
- Đối với Bách Hóa Xanh (BHX), ban lãnh đạo xem mục tiêu tăng trưởng cùng cửa hàng (SSSG) năm 2026 là 10% và mục tiêu tăng trưởng doanh thu 20% là thận trọng.
- Tại Điện Máy Xanh (DMX), ban lãnh đạo dự định phân bổ lại các khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp trong năm 2026 mạnh mẽ hơn vào các giải pháp tài chính tiêu dùng và giảm chi tiêu cho quảng cáo và khuyến mãi so với năm 2025.
- 100 cửa hàng BHX tại miền Bắc đang đi đúng tiến độ so với các mục tiêu KPI nội bộ, và BHX đang đánh giá kênh B2B phục vụ các khách hàng nhà hàng.
- An Khang dự kiến sẽ có lãi trong năm 2026, với việc ban lãnh đạo duy trì chiến lược mở rộng thận trọng để bảo toàn hiệu quả hoạt động.

Cổ tức - Năm tài chính 2025 so với năm tài chính 2026

Hạng mục	Năm tài chính 2025 (Đã trả)	Năm tài chính 2026 (Dự xuất)
Tỷ lệ cổ tức	10%/cổ phiếu = 1.000 đồng/cổ phiếu	20%/cổ phiếu = 2.000 đồng/cổ phiếu
Tổng chi trả gộp	1.478,5 tỷ đồng	Khoảng 2.914 tỷ đồng
Ngày chốt danh sách	25/07/2025	Chờ HĐQT quyết định
Ngày thanh toán	08/08/2025	Đợt 1: Quý 3/2026 / Đợt 2: Quý 4/2026
Chia đợt thanh toán	Thanh toán một lần	1.000 đồng/cổ phiếu (quý 3) + 1.000 đồng/cổ phiếu (quý 4)

HĐQT giữ quyền linh hoạt trong việc điều chỉnh tỷ lệ chia đợt và thời gian thanh toán trong khi vẫn giữ nguyên tổng tỷ lệ 20% đã được ĐHCĐ thông qua.

ESOP - 2025 so với 2026

ESOP năm tài chính 2026 được giới hạn ở mức khoảng 0,3% cổ phiếu đang lưu hành so với 0,5% cho năm tài chính 2025. DMX có kế hoạch IPO và niêm yết trong năm 2026, đồng thời đề xuất kế hoạch quyền chọn cổ phiếu cho nhân viên dựa trên các KPI dài hạn. Chúng tôi tin rằng điều này làm giảm tỷ lệ ESOP tại MWG và gắn kết tốt hơn các chính sách khuyến khích nhân viên với hoạt động kinh doanh cụ thể của họ (DMX so với các mảng kinh doanh khác như BHX), và từ đó, mở ra mức tăng trưởng cao hơn cho MWG nói chung.

ESOP năm 2026 sử dụng cơ chế 2 khung điều kiện:

Điều kiện 1 - Tỷ lệ hoàn thành LNST ($X = \text{LNST thực tế} \div 9.200 \text{ tỷ đồng}$):

Kịch bản	Số lượng cổ phiếu (A)
LNST < 100% kế hoạch	0
LNST = 100% kế hoạch	2.000.000
LNST > 100%	$2.000.000 + [(X - 100) \times 50.000]$
Mức trần cứng	3.000.000

Cứ mỗi 1% vượt kế hoạch $\rightarrow +50.000$ cổ phiếu. Đạt mức trần tại $\text{LNST} \geq 11.040 \text{ tỷ đồng}$ (+20% so với kế hoạch).

Điều kiện 2 - Tăng trưởng giá đóng cửa bình quân hàng ngày của MWG (2026 so với 2025) so với tăng trưởng giá trị đóng cửa bình quân hàng ngày của VN-Index:

- $\text{MWG} \geq \text{Tăng trưởng VN-Index} \rightarrow$ phát hành 100% của A
- $\text{MWG} < \text{Tăng trưởng VN-Index} \rightarrow$ phát hành 80% của A

Các nội dung khác

- MWG không có kế hoạch mua lại cổ phiếu trong năm 2026 vì theo các quy định hiện hành, việc mua lại sẽ hạn chế các đợt phát hành cổ phiếu mới trong vòng 6 tháng; công ty dự định phân phối lợi nhuận cho cổ đông thông qua các cơ chế thay thế.
- Tác động đến lợi nhuận của việc áp dụng IFRS trong tương lai dự kiến sẽ hạn chế, do ESOP năm 2026 đã được giảm xuống còn khoảng 0,2% cổ phiếu đang lưu hành – thấp hơn đáng kể so với những năm trước.
- DMX đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho đợt IPO và vẫn đang đúng tiến độ. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

STK: Đà phục hồi được hỗ trợ bởi giá bán tăng và hàng tồn kho giá thấp; triển vọng ngắn hạn vẫn thận trọng - Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch năm 2026: thấp hơn kỳ vọng, hàm ý rủi ro giảm đối với dự báo

- STK đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (+75% YoY; 91% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNTT đạt 128,5 tỷ đồng (+38% YoY; 75% dự báo cả năm của chúng tôi); kế hoạch này nhìn chung thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi.
- Quan điểm của ban lãnh đạo đã chuyển sang hướng gia tăng công suất một cách thận trọng hơn, ưu tiên quản lý hiệu quả hàng tồn kho trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào tăng, qua đó làm giảm mức độ cấp thiết của việc đẩy mạnh sản lượng. Bên cạnh đó, STK cho biết công ty sẽ hưởng lợi từ hàng tồn kho giá thấp trong khi giá bán đang tăng, qua đó hỗ trợ biên lợi nhuận từ quý 2/2026. Chúng tôi lưu ý rằng STK có 333 ngày tồn kho tại thời điểm cuối năm 2025 (so với mức trung bình 133 ngày trong giai đoạn 2020-2024), qua đó cho thấy công ty có lượng tồn kho giá thấp đủ lớn, có thể sử dụng trong phần lớn năm 2026.

- Trong khi đó, lượng tồn kho giá thấp này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ biên lợi nhuận và có thể kéo dài trong phần lớn năm 2026, với tác động tích cực nhiều khả năng sẽ rõ nét hơn từ quý 2 trở đi khi giá bán tăng, nhờ mặt bằng chi phí thị trường cao hơn.

- Quan điểm của chúng tôi: Dựa trên KQKD thực tế năm 2025 thấp hơn kỳ vọng (LNST sau lợi ích CĐTTS chỉ đạt 58% dự báo cả năm của chúng tôi) và kế hoạch năm 2026 mang tính thận trọng, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại, và hiện đang đánh giá lại khuyến nghị.

2. KQKD quý 1 yếu và kỳ vọng cải thiện trong quý 2; mức độ hiện hữu của đơn hàng vẫn hạn chế

- Công ty hiện chưa công bố KQKD sơ bộ quý 1/2026.

- Sản lượng: Doanh số bán trong quý 1 được ước tính đạt 5 nghìn tấn (-30% YoY; -20% QoQ), phản ánh nhu cầu vẫn còn yếu và ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ trong dịp Tết. Sản lượng quý 2 được kỳ vọng phục hồi lên mức 7 nghìn tấn (+10% YoY; +40% QoQ), trong đó khoảng 3 nghìn tấn đã được đặt hàng. Tuy nhiên, tiến độ giao hàng đang chậm lại, khi khách hàng đã đặt hàng nhưng trì hoãn nhận hàng trong bối cảnh điều kiện thị trường vẫn còn nhiều bất định.

- Giá bán và chi phí: Trong tháng 4, giá bán trung bình tăng 7% so với mức bình quân của quý 1, được hỗ trợ bởi diễn biến chi phí đầu vào do xung đột tại Trung Đông, đồng thời công ty tiếp tục hưởng lợi từ hàng tồn kho giá thấp. STK có kế hoạch giảm hàng tồn kho ở mức 300-400 tỷ đồng vào cuối năm 2026 (tương đương khoảng 50% lượng tồn kho cuối năm 2025), qua đó vốn lưu động và dòng tiền được cải thiện.

- Cơ cấu sản phẩm: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu tỷ trọng sợi tái chế ở mức khoảng 60%-70% trong năm 2026, nhưng cơ cấu sản phẩm thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt tùy theo điều kiện thị trường. Hiện tại, nhu cầu đối với sợi nguyên sinh đang tốt hơn, do mức tăng đối với chi phí đầu vào của sợi tái chế (liên quan đến biến động giá dầu) đã làm suy giảm lợi thế về giá của sản phẩm tái chế.

3. Unitex: đang tiếp tục tăng công suất; kế hoạch mở rộng bị lùi lại

- Giai đoạn 1 của Unitex được kỳ vọng sẽ vận hành ở mức 60%-70% công suất trong năm 2026, với dự địa tăng thêm phụ thuộc vào tốc độ phục hồi của nhu cầu.

- Giai đoạn 2 đã sẵn sàng về mặt kỹ thuật nhưng đã được hoãn lại, khi ban lãnh đạo ưu tiên ổn định hoạt động và nhu cầu tiêu dùng cải thiện. Ở thời điểm hiện tại, việc mở rộng Giai đoạn 2 nhiều dự kiến không sớm hơn năm 2028, qua đó củng cố quan điểm của chúng tôi rằng tốc độ tăng công suất sẽ chậm hơn so với kỳ vọng trước đây.

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận

- STK có kế hoạch chi trả cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 10% cho năm 2025. Sau khi thực hiện cổ tức cổ phiếu, vốn điều lệ của STK sẽ tăng 10% lên 1,5 nghìn tỷ đồng từ mức hiện tại là 1,4 nghìn tỷ đồng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MWG - DMX: LNST quý 1 tăng 45% nhờ giành thêm thị phần và tăng trưởng dựa trên giá trị - Báo cáo Gặp gỡ NGT

Chúng tôi đã tham dự buổi họp gặp gỡ nhà đầu tư của CTCP Đầu tư Điện máy Xanh (DMX) vào ngày 20/04/2026. Trong đó, chúng tôi ghi nhận được các điểm chính sau.

1. KQKD quý 1/2026 và triển vọng kinh doanh chung

KQKD quý 1/2026: DMX ghi nhận tăng trưởng doanh thu ở mức 34% YoY trong quý 1/2026, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng chung của thị trường trong các ngành ICT và điện máy gia dụng (CE).

- **Yếu tố thị trường:** Tăng trưởng tập trung vào giá trị hơn là mở rộng sản lượng; giá bán tăng nhờ đặc biệt là các tính năng tích hợp AI trên các thế hệ sản phẩm mới (ví dụ: iPhone 17 có mức giá cao hơn iPhone 16). Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt chip trên toàn cầu cũng góp phần đẩy giá sản phẩm tăng lên.

- **Các sáng kiến chiến lược:** DMX chủ động định hướng khách hàng sang các sản phẩm có giá trị cao hơn thay vì các lựa chọn ở phân khúc phổ thông, nhờ các giải pháp tài chính tiêu dùng giúp sản phẩm cao cấp dễ tiếp cận hơn thông qua hình thức thanh toán linh hoạt.

Trong khi đó, LNST đã tăng 45% lên mức 2,2 nghìn tỷ đồng. Sự cải thiện biên lợi nhuận này đến từ (1) mức giá bán trung bình cao hơn, qua đó cải thiện hiệu quả kinh tế trên từng đơn vị sản phẩm, và (2) thu nhập từ các dịch vụ có biên lợi nhuận cao.

Mức độ tự tin đối với triển vọng cả năm: Công ty cho biết không có lo ngại nào đối với việc hoàn thành kế hoạch trong các quý tiếp theo. Ban lãnh đạo kỳ vọng quý 2/2026 sẽ được hỗ trợ bởi mức tăng mạnh theo mùa của nhu cầu đối với các sản phẩm máy điều hòa và tivi.

Triển vọng nhiều năm: Trong các năm tới, ban lãnh đạo kỳ vọng thị trường nhìn chung sẽ tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng dựa trên giá trị. Công ty dự báo doanh thu sẽ tăng 70% trong vòng 5 năm (đến năm 2030).

Quản trị hàng tồn kho: DMX vận hành theo chu kỳ dự báo hàng năm. Việc phân bổ sản phẩm cho mỗi tháng được xác định trước thông qua các cam kết từ năm trước. Việc lập kế hoạch sớm này cũng góp phần giúp công ty chiếm lĩnh thị phần nhờ đảm bảo nguồn cung, đồng thời đóng góp vào biên lợi nhuận khi tình trạng khan hiếm nguồn cung đẩy giá lên cao.

2. Các giải pháp tài chính tiêu dùng

Ngoài các chương trình từ phía tổ chức cho vay, DMX còn triển khai một số chương trình trả góp với lãi suất 0%. Chi phí của các chương trình này được bù đắp hoàn toàn thông qua các khoản hoàn lại từ nhà cung cấp và sự hỗ trợ từ các đối tác thương hiệu. DMX nhận hoa hồng từ các tổ chức cho vay trong toàn bộ các giao dịch có sử dụng tài trợ tài chính.

Trong khi giấy phép và quyền phê duyệt tín dụng cuối cùng thuộc về các tổ chức tài chính bên thứ ba (đồng thời cũng là bên chịu rủi ro nợ xấu), DMX là đơn vị trực tiếp quản lý quy trình giao dịch với khách hàng. Nhân viên DMX thực hiện các giao dịch tài chính thông qua kết nối API trực tiếp với các đối tác tài chính, hoàn tất toàn bộ quy trình phê duyệt chỉ trong khoảng 3 phút.

Hiện tại, 97%-98% sản phẩm trong các ngành hàng ICT và CE đã tham gia chương trình thanh toán trả chậm. Tỷ trọng các giao dịch có sử dụng tài trợ tài chính đã đạt 38% doanh thu trong quý 1/2026. Ở nhóm sản phẩm ICT, tỷ lệ thâm nhập vượt 60% tính trên số lượng khách hàng, trong khi nhóm CE chỉ đạt khoảng 45%. Nhìn chung, có 50% khách hàng sử dụng các lựa chọn thanh toán trả chậm, và tỷ lệ phê duyệt hiện đạt hơn 85%.

Ban lãnh đạo cũng so sánh với thị trường Mỹ, nơi gần như toàn bộ giao dịch mua thiết bị điện tử tiêu dùng đều có sử dụng tài trợ tài chính (dù khách hàng phải trả lãi), trong khi người tiêu dùng Việt Nam đang được hưởng lãi suất 0%. Ban lãnh đạo cho biết DMX hiện vẫn chưa truyền thông đầy đủ lợi thế này ra thị trường, qua đó cho thấy dư địa tăng trưởng vẫn còn đáng kể.

3. Thợ Điện Máy Xanh

Giữ chân kỹ thuật viên và khả năng nhận việc ngoài hệ thống: Ban lãnh đạo so sánh mô hình này với các nền tảng gọi xe như Grab hay Green SM: các nền tảng dịch vụ hiện đại vận hành trên ứng dụng giúp hình thành lịch sử giao dịch minh bạch và cơ chế trách nhiệm rõ ràng, có lợi cho cả khách hàng lẫn người cung cấp dịch vụ, từ đó làm giảm động cơ nhận việc ngoài nền tảng.

Hợp tác với VinFast: Nhằm lắp đặt và bảo trì hạ tầng sạc xe điện, bao gồm tủ đổi pin cho xe máy điện và trạm sạc cho ô tô điện. Hoạt động này đã đóng góp 125 tỷ đồng vào doanh thu trong quý 1/2026.

4. Chiến lược online và Super App

Phân tích thị trường thương mại điện tử: Tỷ lệ thâm nhập online của nhóm điện thoại giá trị cao và điện máy tiêu dùng vẫn còn thấp vì:

- **Thiếu niềm tin:** Người tiêu dùng chưa đủ tin tưởng để mua các sản phẩm đắt tiền, phức tạp về mặt kỹ thuật nếu không được xem trực tiếp và không có bảo đảm chắc chắn về dịch vụ hậu mãi.
- **Cạnh tranh tập trung vào giá:** Các nền tảng thương mại điện tử hiện tại chủ yếu cạnh tranh bằng giá, trong khi phí nền tảng tăng lên và giá sản phẩm cũng tăng gần đây đã làm suy giảm lợi thế giá.

Chiến lược khác biệt hóa của DMX: DMX hiện đang phát triển một Super App (xây dựng trên nền tảng Quà Tặng VIP hiện tại với 18 triệu tài khoản khách hàng chất lượng cao) nhằm giải quyết các khoảng trống nói trên. Thay vì chỉ cạnh tranh bằng giá, Super App sẽ tạo khác biệt thông qua:

- Các giải pháp tài chính tích hợp (một số chương trình trả góp lãi suất 0%)
- Dịch vụ hậu mãi toàn diện
- Cam kết về tính chính hãng và chất lượng sản phẩm

Mục tiêu đóng góp: Ban lãnh đạo kỳ vọng kênh online sẽ đóng góp 30% vào tổng doanh thu vào năm 2030, so với chỉ 6% trong năm 2025.

5. EraBlue (Thị trường Indonesia)

EraBlue ghi nhận mức tăng trưởng cùng cửa hàng (SSSG) ở mức 25% trong quý 1/2026, nhờ được hỗ trợ bởi việc ghi nhận mức tăng trưởng SSSG mạnh ở nhiều ngành hàng:

- **CE (điện máy gia dụng):** +18% YoY, nhờ mô hình bán lẻ định hướng dịch vụ tiếp tục giành thêm thị phần từ các kênh truyền thống.
- **ICT (điện thoại di động):** trên 30% YoY, bao gồm: (1) sự phục hồi của doanh số bán iPhone (iPhone 16 từng bị cấm bán tại Indonesia năm ngoái; năm nay doanh số đã quay trở lại), và (2) tăng trưởng mạnh ở các thương hiệu Trung Quốc thuộc phân khúc C-brand (Oppo, Vivo), vốn là nhóm mà các đối thủ bán lẻ hiện đại (MT) chưa khai thác hiệu quả.
- **Phụ kiện và điện gia dụng:** khoảng gấp 2 lần YoY.

Các cửa hàng mở trong các năm 2022, 2023 và 2024 đều tiếp tục ghi nhận mức SSSG hai chữ số.

6. Chính sách cổ tức và quyền chọn cổ phiếu cho nhân viên

Chính sách cổ tức: DMX cam kết phân phối tối thiểu 50% lợi nhuận ròng hàng năm dưới dạng cổ tức tiền mặt cho các cổ đông.

DMX đang xem xét cách tiếp cận quyền chọn cổ phiếu theo hướng dài hạn:

- Thời hạn dài (3-5 năm).
- Các mục tiêu KPI thách thức (phù hợp với mức tăng trưởng doanh thu 70% và lợi nhuận gần như gấp đôi sau 5 năm).
- Mua theo giá thị trường.
- Mức thưởng cao gắn với kết quả thực hiện. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

DatVietVAC: Khai thác thương mại với biên lợi nhuận cao đón đầu điểm bùng nổ của ngành Truyền thông và Giải trí Việt Nam - Báo cáo Công ty

Ngành	Truyền thông và Giải trí		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	20/04/2026	TT Doanh thu	-6%	5%	6%	10%
		TT LNST-CĐTS	6%	10%	14%	15%
		TT EPS	6%	-19%	14%	15%
		Biên LN từ HĐKD	13,9%	14,3%	15,5%	16,1%
		Biên LN ròng	11,5%	11,9%	12,9%	13,5%
		ROE	40,8%	34,1%	28,7%	27,2%
		Nợ ròng/VCSH	-53,5%	-64,0%	-57,5%	-58,8%
				DatVietVAC	Peers*	VNI
		P/E (trượt)		N/A	17,0x	16,8x
Cổ phần Nhà nước	0%	P/B (hiện tại)		N/A	1,6x	2,2x
FOL	100%	ROA (trượt)		18,2%	3,0%	2,1%
SL cổ phiếu lưu hành	100,268 tr	ROE (trượt)		40,8%	8,4%	14,1%
		* Trung bình của các CT cùng ngành trong khu vực				

* Công ty Cổ phần DatVietVAC Group Holdings (DatVietVAC), doanh nghiệp truyền thông và giải trí (M&E) hàng đầu Việt Nam, đang bước vào giai đoạn chuyển mình chiến lược thành một nền tảng khai thác thương mại trực tiếp tới người tiêu dùng (D2C). Mô hình này tập trung khai thác doanh thu trực tiếp từ khán giả thông qua bán vé các sự kiện trực tiếp, buôn bán sản phẩm gắn với tài sản sở hữu trí tuệ,... nhằm đón đầu bước ngoặt của ngành M&E trong nước, tương tự như giai đoạn bùng nổ ban đầu tại các thị trường phát triển như Hàn Quốc.

* Chúng tôi dự phóng tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) LNST sau lợi ích CĐTS sẽ đạt 13% trong giai đoạn 2025-2028. Động lực cốt lõi đến từ sự dịch chuyển cơ cấu sang khai thác thương mại D2C với biên lợi nhuận cao hơn (CAGR doanh thu D2C dự kiến đạt 22%; biên lợi nhuận gộp tổng thể tăng bình quân 1,2 điểm % mỗi năm).

* Tỷ suất sinh lời xuất sắc, thể hiện qua biên lợi nhuận từ HĐKD và ROE năm 2025 lần lượt đạt 13,9% và 40,8%, hỗ trợ cho DatVietVAC được định giá ở mức nhìn chung tương đương với các doanh nghiệp cùng ngành, phát triển hơn trong khu vực (P/E trung bình dự phóng năm 2026 ở mức 18,1 lần).

* **Rủi ro:** Giá trị khai thác thương mại từ các chương trình mới, mùa phát sóng mới hoặc sự kiện trực tiếp mới thấp hơn kỳ vọng; giá trị hợp đồng thương mại/tỷ lệ khai thác thương mại với nghệ sĩ thấp hơn; hoặc những thay đổi bất lợi trong chính sách từ các nền tảng phân phối nội dung bên thứ ba.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	76	0,0	14.250	25.500	79%	0,0%	79%	KQ	17/01/25	40,3	9,6	14,5	1,1
DGC	Công nghiệp	42%	766	11,3	53.100	91.200	72%	5,6%	77%	MUA	02/03/26	7,1	6,8	14,5	1,3
KDH	Bất động sản	22%	1.108	4,9	26.000	43.700	68%	0,0%	68%	MUA	09/03/26	29,8	18,8	19,5	1,6
HVN	Hàng không	22%	2.688	1,0	22.750	37.100	63%	0,0%	63%	KQ	22/07/25	9,7	8,2	18,5	11,9
NLG	Bất động sản	9%	526	4,0	28.550	45.800	60%	1,4%	62%	MUA	09/03/26	16,6	20,7	19,5	1,1
FPT	CNTT	17%	4.975	27,7	76.900	116.600	52%	3,0%	55%	MUA	22/10/25	15,2	13,6	19,4	3,6
BMI	Bảo hiểm	22%	89	0,3	15.550	23.100	49%	3,2%	52%	MUA	12/04/24	10,4	6,2	17,1	0,8
PVS	Dầu khí	33%	744	8,8	38.300	58.100	52%	0,0%	52%	MUA	26/02/26	13,4	12,9	21,8	1,3
SZC	KCN	16%	198	0,7	29.000	42.400	46%	3,4%	50%	KQ	01/07/25	16,4	14,8	19,5	1,6
PVT	Dầu khí	36%	385	7,0	21.550	30.800	43%	4,6%	48%	MUA	13/03/26	10,2	7,0	13,4	1,2
SSI	Chứng khoán	68%	2.739	32,7	28.950	40.800	41%	3,5%	44%	KQ	27/08/25	14,7	15,8	18,4	2,3
VGC	KCN	47%	787	1,6	46.250	64.100	39%	4,8%	43%	MUA	21/10/25	14,8	13,2	15,9	2,4
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.216	1,2	45.500	59.000	30%	11,0%	41%	MUA	06/01/26	13,6	13,0	15,0	2,8
PLC	Dầu khí	48%	72	0,4	23.400	31.900	36%	4,3%	41%	MUA	12/09/25	139,3	7,5	14,5	1,5
ACG	Gỗ	12%	195	0,0	34.000	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	14,6	1,2
VPB	Ngân hàng	5%	8.451	20,4	28.050	38.000	35%	1,8%	37%	MUA	19/11/25	9,3	7,3	11,3	1,3
BWE	Điện & Nước	46%	367	1,1	43.950	58.700	34%	3,0%	37%	MUA	02/02/26	11,7	10,6	12,3	1,6
BMP	VLXD	20%	478	1,4	153.800	192.500	25%	10,4%	36%	MUA	12/11/25	10,4	9,0	15,9	4,0
MBB	Ngân hàng	0%	8.060	19,9	26.350	35.000	33%	1,9%	35%	MUA	13/03/26	8,5	6,7	11,3	1,6
ACB	Ngân hàng	3%	4.672	10,5	23.950	32.000	34%	0,0%	34%	MUA	05/03/26	8,0	6,5	11,3	1,3
GEX	Điện & Nước	43%	1.403	14,5	40.950	54.000	32%	1,2%	33%	MUA	30/12/25	24,1	26,9	13,4	2,1
MCH	Bán lẻ	85%	6.946	3,7	141.300	181.700	29%	4,2%	33%	PHTT	28/11/25	27,4	23,9	15,0	10,1
DCM	Phân bón	40%	905	8,5	45.000	57.600	28%	4,4%	32%	MUA	10/03/26	13,2	8,5	14,5	2,2
HDC	Bất động sản	47%	142	2,2	18.700	24.600	32%	0,0%	32%	KQ	09/01/26	5,8	12,0	19,5	1,3
TCB	Ngân hàng	0%	8.772	17,5	32.600	41.500	27%	3,7%	31%	MUA	04/03/26	9,1	7,7	11,3	1,4
HPG	VLXD	26%	8.292	38,4	28.450	36.600	29%	1,8%	30%	MUA	04/04/26	14,6	10,3	14,6	1,7
GMD	GTVT	7%	1.202	5,8	74.200	93.900	27%	3,1%	30%	MUA	26/02/26	20,1	13,1	13,4	2,4

TLG	Văn phòng phẩm	89%	185	0,4	50.600	61.900	22%	6,9%	29%	MUA	12/09/25	10,8	8,2	9,9	1,9
CTG	Ngân hàng	5%	10.352	10,1	35.100	44.900	28%	0,0%	28%	MUA	10/03/26	9,0	7,8	11,3	1,5
HDG	Điện & Nước	30%	398	3,5	28.300	36.200	28%	0,0%	28%	MUA	23/03/26	15,3	12,5	19,5	1,5
POW	Điện & Nước	47%	1.532	7,2	13.150	16.700	27%	0,0%	27%	MUA	27/03/26	16,5	16,7	12,3	1,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	631	0,1	45.200	53.400	18%	8,8%	27%	KQ	30/08/24	8,6	6,5	15,0	1,6
MSN	Bán lẻ	76%	4.382	20,0	79.800	101.200	27%	0,0%	27%	MUA	21/05/25	28,1	27,2	13,4	3,3
NT2	Điện & Nước	37%	288	1,0	26.300	30.300	15%	9,5%	25%	MUA	26/02/26	7,9	7,1	12,3	1,6
DXG	Bất động sản	30%	634	11,2	15.000	18.700	25%	0,0%	25%	MUA	06/04/26	72,1	75,4	19,5	1,2
HDB	Ngân hàng	5%	5.113	19,4	26.900	33.000	23%	1,9%	25%	MUA	06/03/26	7,5	6,4	11,3	1,8
TV2	Điện & Nước	7%	93	0,7	36.150	43.900	21%	2,8%	24%	MUA	18/09/25	41,2	14,4	13,4	1,9
VCB	Ngân hàng	10%	19.069	16,1	60.100	73.500	22%	0,7%	23%	MUA	17/03/26	15,5	12,8	11,3	2,2
PVD	Dầu khí	38%	693	7,2	32.850	40.300	23%	0,0%	23%	MUA	09/04/26	20,3	16,3	21,8	1,1
AST	DV Hàng không	3%	118	0,0	69.000	80.600	17%	5,1%	22%	MUA	26/08/25	12,4	12,0	13,0	5,3
KBC	KCN	40%	1.252	5,6	35.000	42.500	21%	0,0%	21%	MUA	13/03/26	15,4	11,1	19,5	1,3
GAS	Dầu khí	47%	7.257	5,5	79.200	93.600	18%	3,2%	21%	MUA	14/04/26	17,1	15,5	12,3	2,9
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.881	10,4	61.500	70.300	14%	6,5%	21%	MUA	24/04/25	13,7	14,6	15,0	4,2
BID	Ngân hàng	13%	11.210	12,1	40.550	48.800	20%	0,0%	20%	MUA	01/04/26	10,6	9,6	11,3	1,8
FRT	Bán lẻ	17%	975	3,1	150.800	178.800	19%	0,7%	19%	MUA	13/11/25	32,4	22,8	13,0	6,2
QTP	Điện & Nước	-1%	224	0,6	13.200	14.600	11%	7,6%	18%	MUA	10/12/25	5,8	9,0	12,3	1,0
REE	Điện & Nước	0%	1.343	4,4	65.300	75.900	16%	1,5%	18%	MUA	23/02/26	25,6	12,0	13,4	1,7
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	534	1,4	62.700	71.600	14%	3,2%	17%	MUA	26/01/26	10,3	8,0	15,0	1,5
IDC	KCN	33%	696	4,3	48.300	54.600	13%	4,1%	17%	MUA	17/03/26	9,6	9,2	19,5	2,8
PHR	Công nghiệp	35%	319	0,6	62.000	71.300	15%	2,2%	17%	MUA	25/03/26	18,2	8,9	14,5	2,1
SIP	KCN	46%	564	1,2	61.300	69.800	14%	3,3%	17%	MUA	22/12/25	11,9	11,5	19,5	2,9
MWG	Bán lẻ	0%	4.868	23,2	87.300	101.000	16%	1,1%	17%	MUA	14/10/25	18,2	15,4	13,0	3,9
NVL	Bất động sản	43%	1.455	15,2	17.150	20.000	17%	0,0%	17%	MUA	01/10/25	19,9	95,8	19,5	0,9
TDM	Điện & Nước	49%	243	1,1	57.600	65.300	13%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,1	31,1	12,3	2,4
DPG	Điện & Nước	30%	193	0,9	42.900	48.700	14%	2,3%	16%	MUA	06/01/26	10,8	6,5	15,9	2,3
PC1	Điện & Nước	33%	415	7,6	26.600	30.500	15%	0,0%	15%	MUA	02/02/26	11,2	10,0	15,9	1,7
DXS	Bất động sản	43%	161	0,8	7.310	8.300	14%	0,0%	14%	KQ	06/04/26	13,4	12,6	19,5	0,7

PPC	Điện & Nước	44%	124	0,3	10.150	11.000	8%	4,9%	13%	KQ	10/12/25	20,0	10,0	12,3	0,7
DPM	Phân bón	44%	738	7,0	28.600	31.200	9%	4,2%	13%	PHTT	10/03/26	21,8	12,9	14,5	1,7
CTR	CNTT	44%	378	1,1	87.100	96.800	11%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,6	14,2	15,9	4,8
DHC	Công nghiệp	15%	137	0,4	37.300	40.100	8%	3,5%	11%	MUA	16/12/25	9,2	8,9	14,6	1,6
ACV	Hàng không	47%	6.207	1,4	45.800	50.100	9%	0,0%	9%	PHTT	06/04/26	15,0	14,3	13,4	2,3
PLX	Xăng dầu	6%	1.903	6,8	39.450	41.100	4%	3,0%	7%	MUA	13/10/25	20,5	17,1	21,8	1,9
PTB	Công nghiệp	9%	154	0,2	50.500	52.000	3%	4,2%	7%	KQ	06/10/25	6,7	8,7	14,6	1,3
VEA	Ô-tô	48%	1.692	0,4	33.500	30.800	-8%	14,4%	6%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,4	1,7
BSR	Lọc hóa dầu	47%	4.972	17,5	26.150	27.000	3%	2,7%	6%	PHTT	18/03/26	25,2	8,0	21,8	2,2
VIB	Ngân hàng	0%	2.262	5,8	17.500	18.500	6%	0,0%	6%	KQ	23/05/25	8,2	6,7	11,3	1,3
F88	Tài chính TT	42%	644	0,3	160.000	168.000	5%	0,0%	5%	KQ	21/01/26	24,5	17,8	#N/A	6,9
SCS	DV Hàng không	19%	195	0,3	54.100	51.200	-5%	10,2%	5%	PHTT	13/01/26	6,8	7,3	18,5	3,5
VRE	Bất động sản	37%	2.541	6,1	29.450	30.700	4%	0,0%	4%	KQ	30/03/26	10,4	12,3	19,5	1,4
PNJ	Bán lẻ	0%	1.490	5,3	115.000	113.500	-1%	1,7%	0%	MUA	07/11/25	15,0	16,8	9,9	3,0
DGW	Bán lẻ	25%	386	3,0	46.000	45.400	-1%	1,1%	0%	PHTT	18/11/25	18,5	16,4	13,0	3,0
VTP	GTVT	44%	465	1,9	70.800	69.000	-3%	2,1%	0%	PHTT	06/09/24	24,7	20,8	13,4	6,9
TPB	Ngân hàng	5%	1.728	5,9	16.400	15.800	-4%	0,0%	-4%	MUA	27/05/25	6,2	6,0	11,3	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	5.013	4,5	33.000	30.500	-8%	1,2%	-6%	KQ	31/12/25	23,5	21,6	14,5	2,3
NKG	VLXD	45%	251	2,5	14.750	13.100	-11%	0,0%	-11%	PHTT	18/04/25	33,5	11,4	14,6	0,9
LPB	Ngân hàng	4%	5.218	3,5	46.000	39.300	-15%	2,2%	-12%	KKQ	18/11/25	12,1	12,7	11,3	2,9
OIL	Dầu khí	6%	579	2,2	14.700	12.700	-14%	0,7%	-13%	KQ	17/10/25	35,9	32,5	21,8	1,5
HSG	VLXD	45%	382	2,2	16.200	13.500	-17%	3,1%	-14%	PHTT	18/04/25	16,1	17,2	14,6	0,9
STB	Ngân hàng	18%	4.596	25,0	64.200	55.400	-14%	0,0%	-14%	KQ	08/12/25	20,4	10,3	11,3	2,0
VHM	Bất động sản	42%	22.632	32,8	145.100	122.600	-16%	0,0%	-16%	KQ	30/03/26	14,2	13,8	19,5	2,5
BVH	Bảo hiểm	22%	2.038	2,4	72.300	56.900	-21%	1,2%	-20%	KQ	26/05/25	18,1	17,2	17,1	2,2
VJC	Hàng không	24%	3.938	14,2	175.300	114.000	-35%	0,0%	-35%	KQ	15/03/24	48,9	19,6	18,5	4,2
VIC	Bất động sản	45%	55.892	38,4	191.000	101.600	-47%	0,0%	-47%	BÁN	30/03/26	125,7	129,8	19,5	10,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	138.764	2.669	18	15,0	11,9	10,1	15,0	1,8	23,3	18,2	14,6	2,1	2,8%
KHẢ QUAN	20	51.777	2.589	7	17,4	15,1	13,1	14,2	2,3	24,8	19,5	14,8	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	22.234	2.223	0	19,7	17,4	12,4	19,4	2,8	30,6	19,5	13,9	3,3	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.218	5.218	0	14,9	12,1	12,7	10,4	2,9	14,9	12,1	12,7	2,9	2,2%
BÁN	1	55.892	55.892	1	119,4	125,7	129,8	66,9	10,0	119,4	125,7	129,8	10,0	0,0%
TỔNG CỘNG	84	273.885	3.261	26	19,3	15,9	13,5	16,4	2,4	25,6	19,9	15,9	2,5	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.503	7.459	11	11,8	10,2	8,5	12,4	1,7	11,3	10,4	8,4	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.127	1.063	1	23,8	17,5	16,0	14,3	2,0	17,9	14,2	11,7	1,5	2,2%
Chứng khoán	1	2.739	2.739	1	23,2	14,7	15,8	20,6	2,3	23,2	14,7	15,8	2,3	3,5%
Tài chính thay thế	1	644	644	0	50,2	24,5	17,8	25,7	6,9	50,2	24,5	17,8	6,9	0,0%
Tiêu dùng	13	29.565	2.274	4	19,0	16,5	15,5	19,6	3,7	24,8	16,9	14,9	3,7	4,7%
CNTT	1	4.975	4.975	1	18,0	15,2	13,6	23,0	3,6	18,0	15,2	13,6	3,6	3,0%
Bất động sản	9	85.090	9.454	2	54,4	34,5	35,2	23,1	4,2	38,6	34,2	43,4	2,3	0,2%
Vật liệu	4	9.403	2.351	1	18,1	14,6	10,4	18,3	1,6	15,7	18,6	12,0	1,9	3,8%
Điện & Nước	12	6.623	552	1	22,7	16,3	13,7	20,1	1,5	30,6	18,6	13,9	1,6	3,0%
Dầu khí	10	18.248	1.825	2	26,2	19,0	11,8	21,6	2,1	38,5	31,7	13,8	1,7	2,7%
Công nghiệp	5	1.327	265	0	8,9	8,0	7,5	12,2	1,3	14,9	14,8	8,5	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.828	1.261	1	25,1	17,7	15,3	18,7	2,1	26,5	15,7	12,9	2,2	2,7%
GTVT & Logistics	7	14.813	2.116	1	14,7	16,7	13,3	18,0	3,3	20,0	19,7	13,6	5,2	2,9%
TỔNG CỘNG	84	273.885	3.261	26	19,3	15,9	13,5	16,4	2,4	25,6	19,9	15,9	2,5	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS	-6%	PHTT
VJC	N.A	KQ
VTP	19%	PHTT
Bất động sản		
DXG	-4%	MUA
DXS	7%	MUA
HDC	-51%	KQ
NVL	-79%	MUA
KDH	59%	MUA
NLG	-20%	MUA
VHM	3%	KQ
VIC	-3%	BÁN
VRE	-15%	KQ
Khu công nghiệp		
GVR	9%	KQ
IDC	4%	MUA
KBC	39%	MUA
PHR	103%	MUA
SIP	4%	MUA
SZC	11%	KQ
Vật liệu & Công nghiệp		
ACG (2)	26%	MUA
BMP	15%	MUA
DGC	23%	MUA
DHC	3%	MUA
HPG	41%	MUA
HSG (1)	-5%	PHTT
NKG	202%	PHTT
PTB	-19%	KQ
STK	231%	KQ
Điện & Nước		
BWE (2)	9%	MUA
GEX		MUA
HDG		KQ
NT2	-16%	MUA
PC1	12%	MUA
POW	-1%	MUA
PPC	99%	KQ
QTP	-35%	MUA
REE	17%	MUA
TDM (2)	8%	KQ
TV2	186%	MUA
DPG	65%	MUA

VGC		MUA
Dầu khí		
BSR	215%	PHTT
DCM (2)	55%	MUA
DPM	70%	PHTT
GAS		MUA
OIL (2)		KQ
PLX (2)		MUA
PLC		MUA
PVD (2)	55%	MUA
PVS (2)	10%	MUA
PVT (2)	49%	MUA

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.837,1	19,9
VN 30	2.009,0	20,9
VN Mid	2.247,7	11,7
VNSmall	1.419,2	2,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	257,3	-2,7
HNX30	544,7	-1,9
VNX Allshare	2.998,3	29,5

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	129,5	1,1

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.658,8	16,8%
Khối ngoại mua	2.575,1	11,9%
Khối ngoại bán	3.189,9	14,7%
Tổng giao dịch	21.727,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	89,9	10,6%
Khối ngoại mua	15,5	1,8%
Khối ngoại bán	42,4	5,0%
Tổng giao dịch	846,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	71,1	16,0%
Khối ngoại mua	12,2	2,8%
Khối ngoại bán	9,5	2,1%
Tổng giao dịch	443,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GEE	12.500	7,0%
VVS	8.700	7,0%
TRA	5.100	6,9%
VHM	9.400	6,9%
MCM	1.750	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SGC	9.400	10,0%
SCG	2.600	3,9%
L18	900	3,9%
NRC	200	3,1%
VGS	600	2,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
F88	9.806	6,8%
DSH	884	5,5%
TIN	7.783	4,7%
TOS	6.382	3,5%
BMS	507	3,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BFC	-2.600	-3,9%
TMT	-450	-3,2%
DGC	-1.400	-2,6%
BSR	-550	-2,1%
SGR	-300	-1,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSF	-5.900	-5,8%
TIG	-300	-4,4%
L40	-1.900	-2,8%
IDC	-800	-1,6%
MST	-100	-1,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TV1	-1.232	-3,8%
VIW	-1.196	-3,7%
VBB	-411	-2,9%
SGP	-500	-2,0%
MSR	-877	-1,9%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	1.808
HCM	1.186
HDB	1.135
VHM	965
VIX	944

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	159
CEO	104
HUT	95
PVS	80
IDC	66

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
BMS	51
MSR	48
HNG	41
F88	34
VGI	34

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SAM	3.550.695	319.787
TNH	582.265	95.558
TLD	1.240.741	242.515
TNT	988.190	213.823
RYG	589.324	147.512
PTB	515.657	130.089
SJS	1.627.310	540.192
C47	304.848	108.688
VPI	5.707.085	2.268.769
SHI	2.721.345	1.094.694

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VHE	364.685	148.868
PSI	676.092	340.630
NTP	318.757	198.391
NRC	1.640.403	1.057.913
VCS	82.797	57.426
VC3	1.715.306	1.329.500
NDN	240.055	189.628
VC9	80.338	63.969
NVB	280.955	232.010
DTD	228.167	211.114

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DGT	278.000	64.978
F88	217.095	67.325
STH	164.901	53.923
KVC	380.478	139.133
DSH	886.708	365.585
AAH	1.277.928	710.041
ABB	1.633.460	932.857
BIG	604.764	349.045
QNS	135.049	78.757
SCL	107.660	72.449

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.822,2		14,3	1,9	6,7
TCX	4.520,1	90,1	19,3	2,6	14,4
VCK	3.194,2	95,5	19,3	2,8	19,1
SSI	2.738,2	68,0	14,8	2,3	0,0
VPX	2.039,7	95,0	12,7	1,6	0,0
VIX	1.618,8	91,5	5,4	0,0	0,0

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	643,4		13,1	1,7	0,0
BVH	2.037,8	21,7	18,9	2,2	0,0
PVI	693,7	43,3	16,6	2,2	0,0
BIC	186,1	7,9	9,0	1,5	0,0
VNR	156,9	22,7	9,5	1,0	0,0
MIG	142,5	83,9	11,5	1,4	0,0

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.888,0		20,3	3,9	0,0
ACV	6.206,3	47,0	15,1	2,3	0,0
GEE	2.668,2	49,0	21,5	8,8	0,0
MVN	2.470,6	0,0	33,4	4,6	0,0
VEA	1.691,7	47,6	6,2	1,7	0,0
GEX	1.403,1	42,8	25,0	2,1	0,0

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.982,3		19,1	4,7	0,0
MCH	6.944,9	84,5	25,6	10,1	0,0
VNM	4.880,3	51,1	13,7	4,2	0,0
MSN	4.381,1	75,7	29,5	3,3	0,0
SAB	2.215,8	41,5	13,2	2,8	0,0
PNJ	1.489,6	0,3	13,8	3,0	0,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.778,2		21,4	1,6	0,0
BSR	4.971,7	47,4	25,1	2,2	0,0
PLX	1.903,2	5,5	18,7	1,9	0,0
PVS	743,7	33,0	10,6	1,3	0,0
PVD	693,3	37,7	17,6	1,1	0,0
OIL	579,0	6,3	35,1	1,5	0,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.366,3		14,6	2,2	0,0
GAS	7.256,2	46,8	16,7	2,9	0,0
POW	1.531,8	47,1	15,5	1,2	0,0
REE	1.343,0	0,0	14,0	1,7	0,0
PGV	1.017,4	50,0	7,2	1,5	0,0
DNH	683,2	0,0	19,7	3,5	0,0

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	17.311,3		35,4	4,3	0,0
VIC	55.885,3	44,6	130,1	10,0	0,0
VHM	22.629,2	41,9	14,2	2,5	0,0
KSF	3.249,0	50,0	5,3	5,0	0,0
VRE	2.540,9	37,1	10,4	1,4	0,0
BCM	2.251,8	33,1	16,9	2,6	0,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.569,7		9,9	1,6	3,3
VCB	19.067,3	9,8	14,3	2,2	0,0
BID	11.208,8	13,4	9,5	1,8	0,0
CTG	10.351,2	4,7	7,9	1,5	0,0
TCB	8.771,4	0,0	9,1	1,4	0,0
VPB	8.450,0	5,3	8,5	1,3	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.655,2		48,8	6,1	0,0
VPL	5.808,1	47,3	138,8	4,2	0,0
MWG	4.867,4	0,3	18,3	3,9	0,0
VJC	3.937,8	23,5	47,0	4,2	0,0
HVN	2.687,7	21,7	7,8	11,9	0,0
FRT	975,1	16,7	32,3	6,2	0,0

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.982,3		19,1	4,7	0,0
HPG	6.944,9	26,4	25,6	10,1	0,0
GVR	4.880,3	12,3	13,7	4,2	0,0
MSR	4.381,1	99,9	29,5	3,3	0,0
KSV	2.215,8	0,0	13,2	2,8	0,0
DCM	1.489,6	39,7	13,8	3,0	0,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.778,2		21,4	1,6	0,0
DHG	4.971,7	46,0	25,1	2,2	0,0
IMP	1.903,2	27,1	18,7	1,9	0,0
DHT	743,7	9,2	10,6	1,3	0,0
DVN	693,3	0,0	17,6	1,1	0,0
DBD	579,0	84,6	35,1	1,5	0,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.366,3		14,6	2,2	0,0
FPT	7.256,2	16,8	16,7	2,9	0,0
CMG	1.531,8	12,5	15,5	1,2	0,0
SAM	1.343,0	48,5	14,0	1,7	0,0
SGT	1.017,4	-5,5	7,2	1,5	0,0
ELC	683,2	46,7	19,7	3,5	0,0

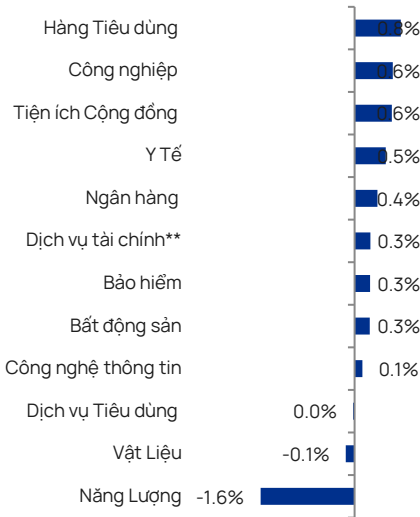
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

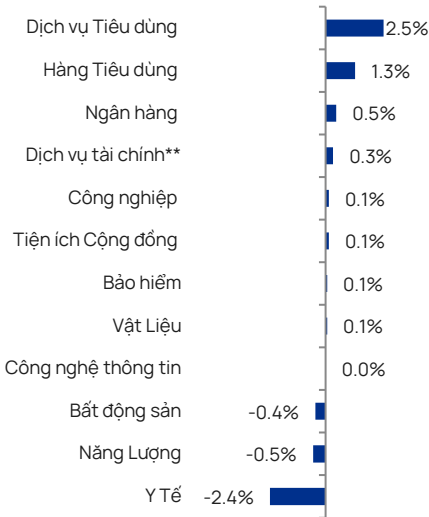
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

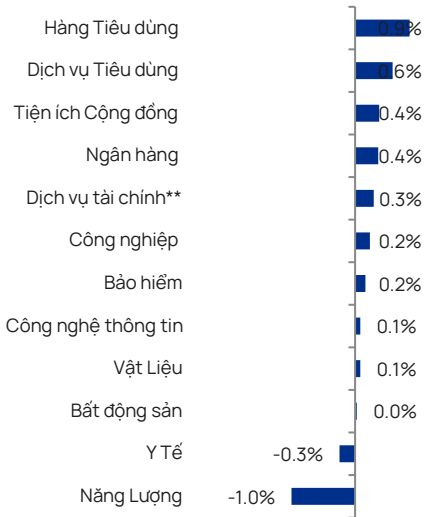
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



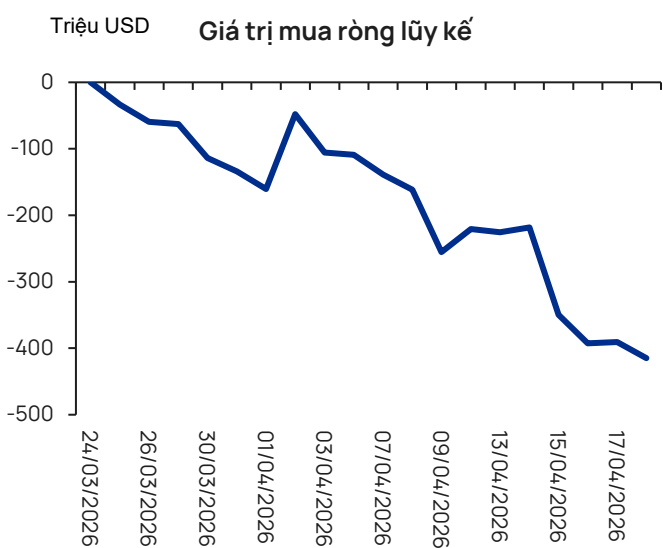
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



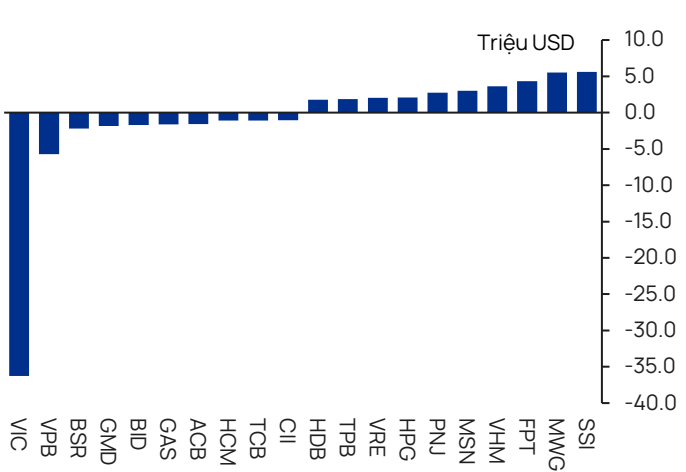
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

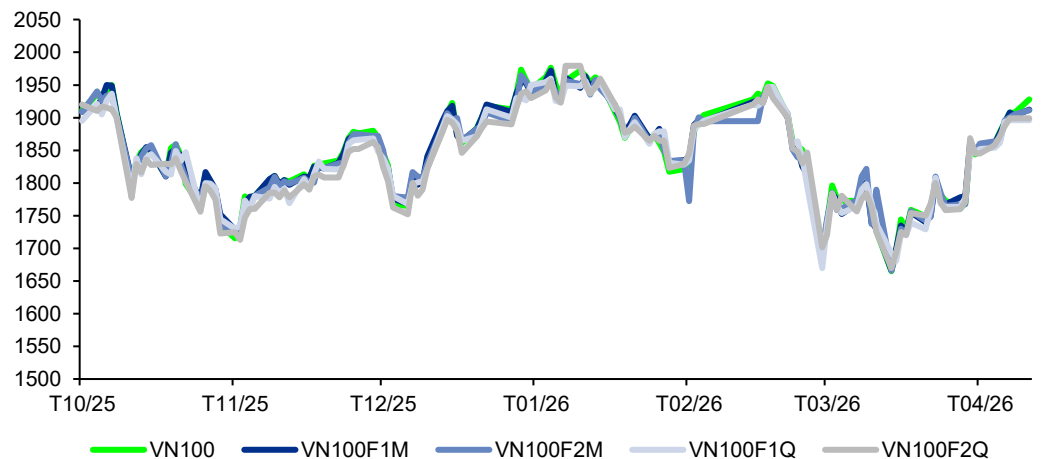
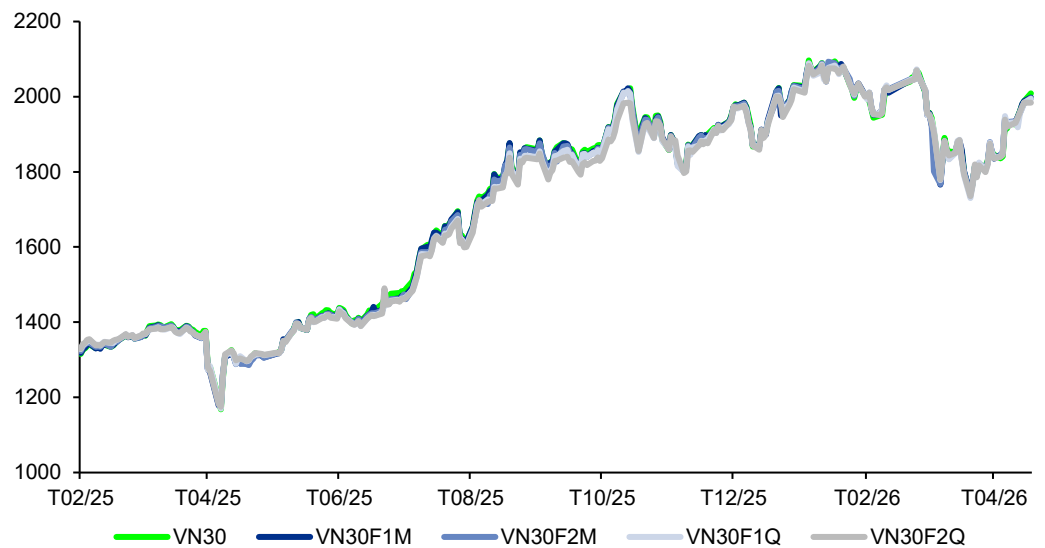


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.997,9	10,0	0,5%	-11,1
VN30F2M	1.996,1	13,2	0,7%	-12,9
VN30F1Q	1.994,3	10,4	0,5%	-14,7
VN30F2Q	1.983,9	0,0	0,0%	-25,1
VN100F1M	1.912,4	9,4	0,5%	-15,6
VN100F2M	1.911,5	6,5	0,3%	-16,5
VN100F1Q	1.896,0	0,0	0,0%	-32,0
VN100F2Q	1.898,9	0,0	0,0%	-29,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	33.517	57,8%	201,82	-19,4%
VN30F2M	1.349	8,8%	0,45	16,1%
VN30F1Q	330	7,5%	0,07	34,7%
VN30F2Q	8	0,0%	0,00	-100,0%
VN100F1M	22	-43,6%	0,02	-75,8%
VN100F2M	20	25,0%	0,01	-84,8%
VN100F1Q	16	0,0%	0,00	0,0%
VN100F2Q	N/A	0,0%	0,00	0,0%

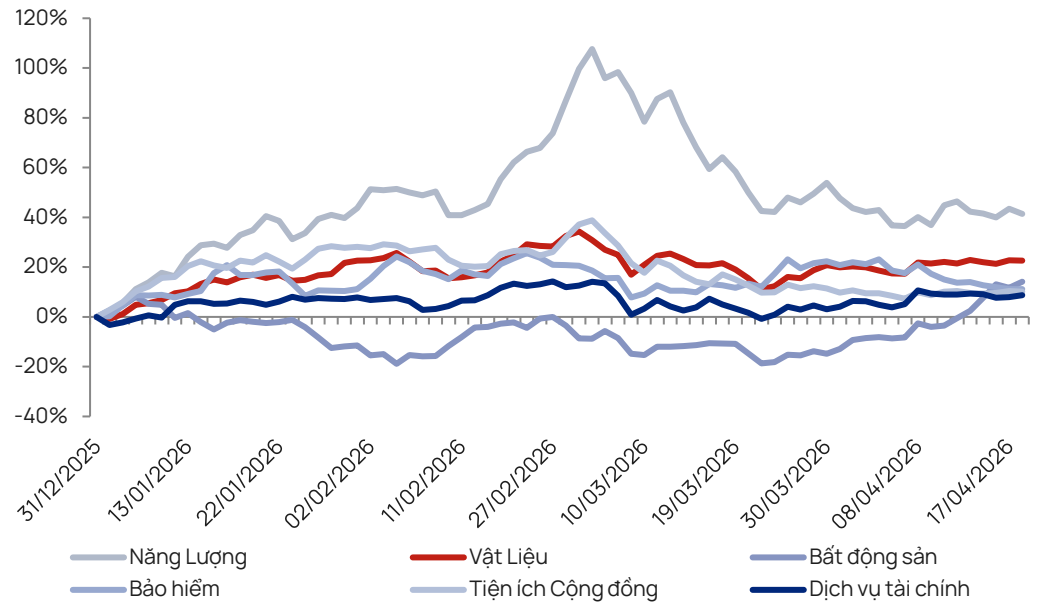


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

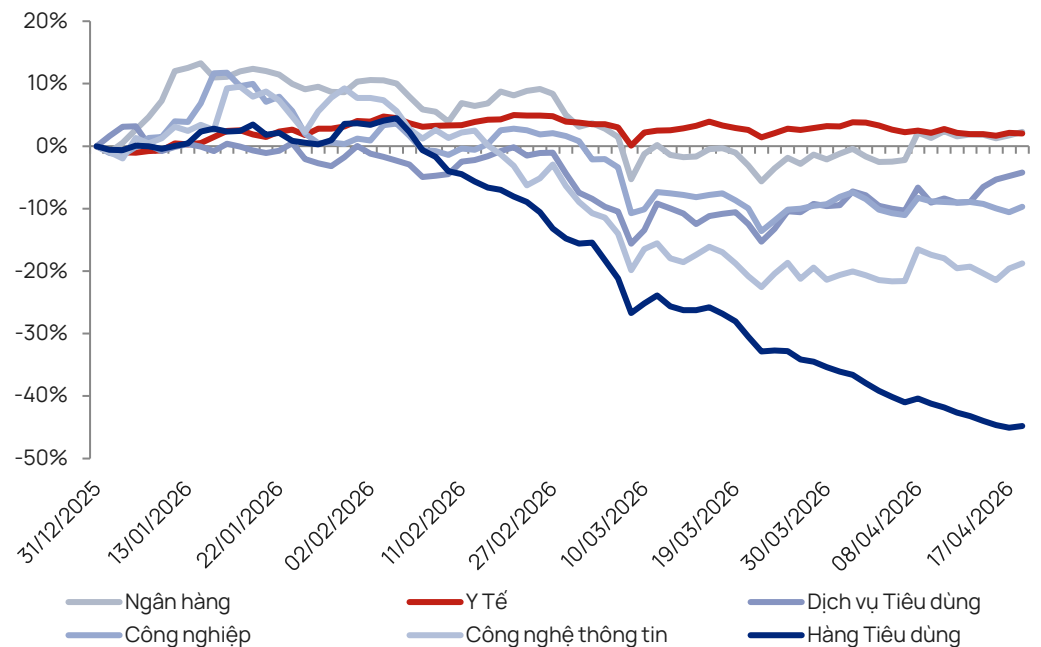
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



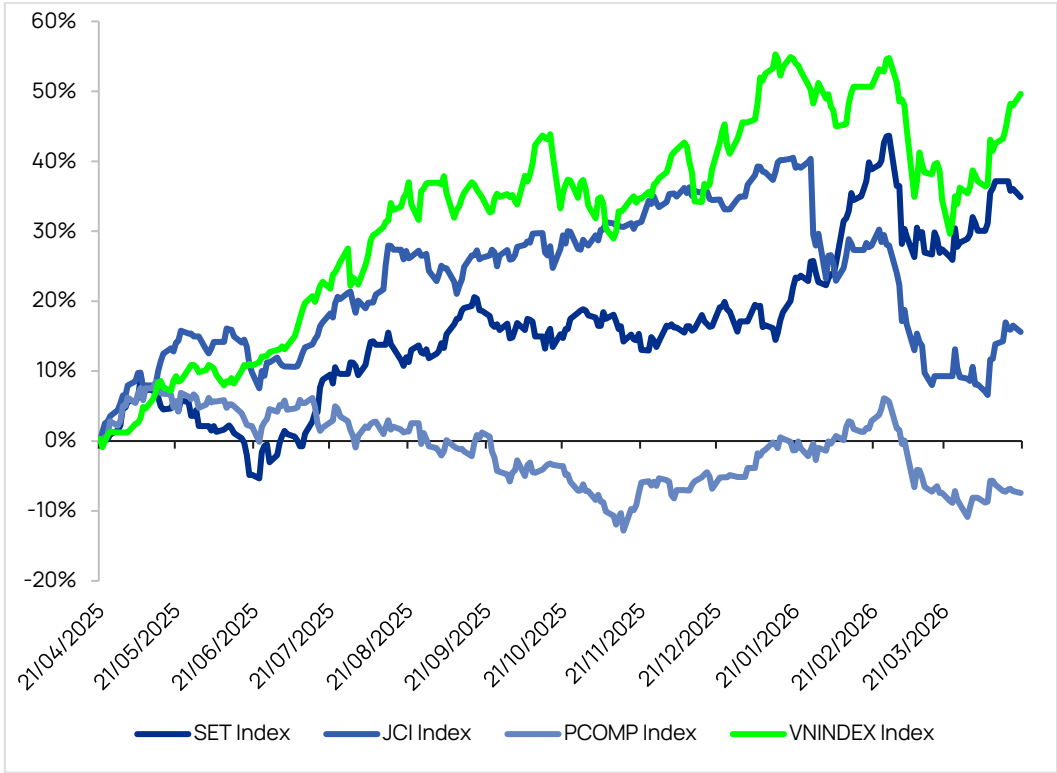
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



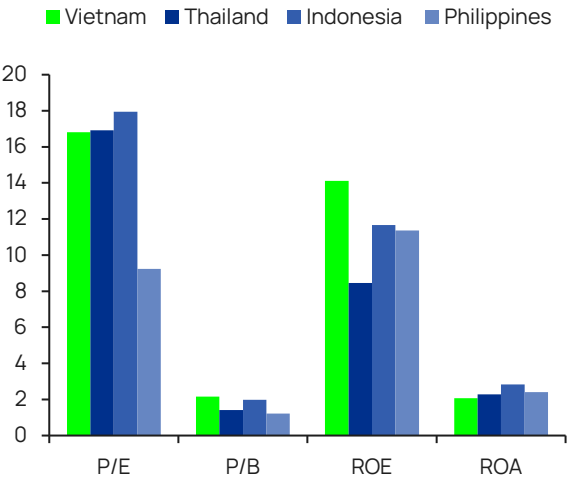
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	17,9	9,2	16,8
P/B	1,4	2,0	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,7	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,8	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	585,7	784,1	146,8	324,8
GTGD trung bình, tr USD	1.370,9	1.121,4	82,6	1.029,4
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	767,8	-2.357,7	-9,4	-1.382,4
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(228,8)	(181,4)	(83,1)	(167,9)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,56%	6,32%	6,23%	4,07%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.